

QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NHIỄM HIV/AIDS Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM THỊ ANH ĐÀO* - ĐẶNG NGỌC HUYỀN VY**

Tóm tắt: Bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS là một nguyên tắc cơ bản trong đạo đức y khoa và pháp lý, được xem là nghĩa vụ bắt buộc nhằm bảo vệ quyền riêng tư của người bệnh. Trong một số trường hợp, sự bảo vệ này xung đột với quyền của người thứ ba (những người nên được thông báo về khả năng bị nhiễm bệnh từ người nhiễm HIV và cũng có cả lợi ích cộng đồng). Bài viết phân tích các quy định của pháp luật Việt Nam về quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV, đánh giá thực trạng quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS ở nước ta trong thời gian tới.

Từ khóa: Quyền bảo mật thông tin; người nhiễm HIV/AIDS; lợi ích cộng đồng

Ngày nhận bài: 11/6/2025; Biên tập xong: 25/6/2025; Ngày duyệt đăng: 23/7/2025

THE RIGHT TO CONFIDENTIALITY OF PEOPLE LIVING WITH HIV/AIDS IN VIETNAM NOWADAYS

Abstract: As a mandatory obligation to protect patients' privacy, confidentiality of people living with HIV/AIDS is a fundamental principle in both medical ethics and legal frameworks. In certain cases, this protection may conflict with the rights of third parties - those who should be informed about potential exposure to HIV and broader public health interests. This article analyzes legal provisions in Vietnam on the right to confidentiality of individuals living with HIV, assesses current status of this right in practice, then proposes legal solutions to improve the protection of HIV-related confidentiality in Vietnam in the coming time.

Keywords: Right to confidentiality; people living with HIV/AIDS; public interest

Received: Jun 11th, 2025; **Editing completed:** Jun 25th, 2025; **Accepted for publication:** Jul 23rd, 2025

Đặt vấn đề

Tôn trọng quyền riêng tư và bảo mật của bệnh nhân bắt nguồn từ nguyên tắc tôn trọng nhân phẩm và quyền tự chủ của bệnh nhân. Trong thực hành y tế, quyền riêng tư là một loại mối quan hệ giữa bác sĩ và bệnh nhân, và tính bảo mật được xác định khi có bên thứ ba tham gia vào mối quan hệ bác sĩ - bệnh nhân¹. Trong một số trường hợp, việc giữ bí mật thông tin của bệnh nhân và tôn trọng quyền riêng tư của bệnh nhân bởi bác sĩ là xung đột với lợi ích của bên thứ ba, thậm chí là cả cộng đồng. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để giải quyết xung đột giữa quyền được bảo vệ thông tin và trách nhiệm pháp lý trong việc phòng ngừa lây nhiễm HIV ra cộng đồng? Đây là một thách thức không chỉ về

mặt pháp lý mà còn mang tính đạo đức và xã hội sâu sắc.

1. Quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS

Bảo mật thông tin là việc bảo vệ dữ liệu, hệ thống thông tin khỏi các mối đe dọa như truy cập trái phép, rò rỉ dữ liệu, thay đổi hoặc phá hủy. Mục tiêu của bảo mật thông tin là đảm bảo tính bí mật, toàn vẹn và sẵn sàng của dữ liệu.

Người nhiễm HIV là người bị nhiễm virus HIV, một loại virus gây suy giảm miễn

*Email: Anhdaohvhc@gmail.com

Tiến sĩ, Giảng viên chính, Khoa Luật, Học viện Hành chính và Quản trị công

**Email: Ngochuyenvyandangbvna@gmail.com

Học viên cao học Khoa Luật, Học viện Hành chính và Quản trị công

¹ Parsa M., "Y học và quyền riêng tư của bệnh nhân", *Iran J Med Ethics Hist Med*, No. 2/2009, p. 01-14.

dịch ở người². HIV xâm nhập và phá hủy các tế bào của hệ thống miễn dịch, khiến cơ thể khó chống lại các bệnh khác³.

Người nhiễm HIV có quyền được bảo mật thông tin về tình trạng HIV của mình. Luật pháp quy định những người trực tiếp tham gia chăm sóc, điều trị và tư vấn cho người nhiễm HIV mới được tiếp cận thông tin này, và việc tiết lộ thông tin mà không có sự đồng ý của người nhiễm HIV là trái pháp luật. Do vậy, quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV được hiểu là quyền được giữ bí mật về tình trạng nhiễm HIV/AIDS của mình, bao gồm kết quả xét nghiệm, thông tin cá nhân và các thông tin liên quan đến việc chăm sóc, điều trị. Quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV đại diện cho giá trị con người, thể hiện nhu cầu tự nhiên của con người trong mối quan hệ với xã hội và cần được bảo vệ khỏi sự can thiệp tùy tiện hoặc trái pháp luật.

2. Pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam quy định về quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS

Pháp luật quốc tế về quyền bảo mật thông tin người nhiễm HIV tập trung vào việc bảo vệ quyền riêng tư, chống kỳ thị và bảo đảm quyền con người cho những người sống chung với HIV/AIDS. Các cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng và các nguyên tắc liên quan là:

- Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (năm 1948): Điều 12 của Tuyên ngôn quy định rằng không ai bị can thiệp một cách tùy tiện vào đời sống riêng tư, bao gồm cả việc tiết lộ thông tin sức khỏe. Đây là cơ sở đầu tiên khẳng định quyền bảo mật thông tin y tế là một phần của quyền con người;

- Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR): Điều 17 ICCPR cũng nhấn mạnh rằng mỗi người đều có quyền được pháp luật bảo vệ trước sự can thiệp bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, bao gồm thông tin cá nhân như tình trạng HIV;

- Công ước Quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR): ICESCR đảm

bảo quyền được chăm sóc y tế ở mức cao nhất có thể, đồng thời yêu cầu quốc gia thành viên tạo điều kiện để mọi người tiếp cận dịch vụ y tế một cách công bằng, không kỳ thị. Điều này gắn liền với việc bảo vệ danh tính và thông tin người nhiễm HIV;

- Hướng dẫn quốc tế về HIV/AIDS và quyền con người (UNAIDS & OHCHR): Hướng dẫn số 3 nêu rõ rằng, quốc gia cần xây dựng các quy định pháp luật nghiêm ngặt để bảo vệ bảo mật thông tin y tế, chỉ được tiết lộ khi có sự đồng ý tự nguyện và được thông báo đầy đủ từ người nhiễm. Ngay cả nhân viên y tế cũng phải tuân thủ nguyên tắc này;

- Nguyên tắc Siracusa (năm 1984): Mặc dù quyền riêng tư có thể bị hạn chế trong một số tình huống khẩn cấp về y tế công cộng, nhưng mọi biện pháp hạn chế phải: (i) Có cơ sở pháp lý rõ ràng, (ii) Cần thiết và hợp lý, và (iii) Không tùy tiện hay phân biệt đối xử.

Như vậy, pháp luật quốc tế đã đưa ra khuôn khổ rõ ràng để bảo vệ quyền này, song việc thực thi phụ thuộc vào quyết tâm của từng quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ phát triển, việc giữ gìn sự riêng tư và nhân phẩm của người nhiễm HIV trở nên cấp thiết và mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Pháp luật Việt Nam đã ghi nhận quyền được bảo mật thông tin về tình trạng sức khỏe của người nhiễm HIV là một trong những quyền nhân thân cơ bản của mỗi cá nhân. Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Mọi thông tin về đời sống riêng tư và bí mật cá nhân đều được pháp luật bảo vệ⁴. Chúng ta có thể thấy xuất phát từ góc độ hiến định, thông tin liên quan đến tình trạng HIV của một người cũng thuộc phạm vi bí mật đời sống riêng tư của mỗi cá nhân và được pháp luật bảo hộ. Cụ thể hóa một cách rõ ràng hơn, Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11,

² WHO, *Guidelines on HIV Disclosure for Health Professionals*, <https://www.who.int/publications/i/item/hiv-disclosure-guidelines>.

³ UNAIDS, *HIV and Human Rights – Policy Brief*, <https://www.unaids.org/en/resources/documents/2022/HIV-and-Human-Rights>.

⁴ Quyền bí mật đời tư theo quy định của pháp luật hiện hành; Quyền con người, và quyền của công dân trong Hiến pháp năm 2013.

đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020 (sau đây gọi tắt là Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020) đã đưa ra các quy định liên kết chặt chẽ nhằm bảo mật thông tin của người nhiễm HIV. Điều 4 Luật này đã khẳng định người nhiễm HIV có quyền “được giữ bí mật riêng tư liên quan đến HIV/AIDS”. Có thể thấy đây là một trong những quyền lợi hợp pháp để người nhiễm HIV bảo mật thông tin về tình trạng bệnh của mình, ngăn chặn kiểm soát việc tiết lộ thông tin một cách tùy ý. Cùng với quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV là nguyên tắc không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV. Theo cách thức tương đồng, khoản 3 Điều 8 Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020 đã liệt kê trong các hành vi bị nghiêm cấm: Xã hội không được có thái độ, hành vi kỳ thị người mang HIV nhằm đảm bảo họ được đối xử bình đẳng, công bằng.

Song song với quyền được giữ bí mật, pháp luật cũng đặt ra một số nghĩa vụ nhất định cho người nhiễm HIV nhằm phòng ngừa hành vi lây nhiễm cho người khác. Đáng chú ý, người nhiễm HIV có nghĩa vụ “thông báo kịp thời kết quả xét nghiệm HIV dương tính của mình cho vợ, chồng hoặc người chuẩn bị kết hôn” với họ. Quy định này nhằm cân bằng giữa quyền riêng tư của người bệnh với quyền được biết để phòng tránh lây nhiễm của người thân cận. Tuy nhiên, nghĩa vụ thông báo này chỉ giới hạn đối với vợ/chồng, người sắp kết hôn (và theo Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020, mở rộng đến “người chung sống như vợ chồng”). Ngoài phạm vi đó, người nhiễm HIV không có nghĩa vụ phải công khai tình trạng bệnh của mình cho cộng đồng hay bất kỳ ai khác, và ngược lại họ có quyền giữ kín thông tin, yêu cầu người khác tôn trọng quyền riêng tư.

Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020 cũng liệt kê cụ thể những đối tượng được phép tiếp cận thông tin kết quả xét nghiệm HIV dương tính. Theo khoản 2 Điều 30, kết quả xét nghiệm HIV dương tính chỉ được thông báo cho một số người sau: (a) Chính người được xét nghiệm; (b) vợ/chồng hoặc cha mẹ, người giám hộ (nếu người xét nghiệm là vị thành niên hoặc mất năng lực hành vi dân sự); (c) nhân viên tư vấn được giao nhiệm vụ thông báo kết quả cho

người xét nghiệm; (d) người trực tiếp chăm sóc, điều trị cho người nhiễm HIV tại cơ sở y tế (bác sĩ điều trị, điều dưỡng trưởng...); (đ) người đứng đầu, cán bộ y tế được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người nhiễm HIV tại cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam; (e) người đứng đầu và cán bộ, công chức thuộc các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020. Ngoài ra, điểm (e) đề cập đến cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) khi có quyết định trưng cầu giám định hoặc xét nghiệm bắt buộc trong quá trình tố tụng.

Ngoài bản thân người nhiễm HIV, những người được thông báo kết quả chủ yếu là người thân thích gần gũi, hoặc người có trách nhiệm trong việc chăm sóc y tế, quản lý người nhiễm HIV trong phạm vi cần thiết (ví dụ như bác sĩ điều trị, cán bộ trại giam nơi người đó đang chấp hành án). Danh sách này không bao gồm cộng đồng rộng rãi hay các cá nhân không liên quan trực tiếp. Hơn nữa, những người được phép tiếp cận thông tin nói trên có trách nhiệm giữ bí mật thông tin đó, không được tùy tiện tiết lộ tiếp cho người khác, trừ trường hợp chính người nhiễm HIV đồng ý. Quy định này nhằm bảo đảm rằng thông tin HIV chỉ lưu hành trong phạm vi hẹp, phục vụ trực tiếp cho việc bảo vệ sức khỏe người bệnh và những người có nguy cơ lây nhiễm gần, chứ không trở thành thông tin công khai.

Luật nghiêm cấm triệt để hành vi tiết lộ hoặc công khai thông tin người nhiễm HIV trái phép. Khoản 5 Điều 8 liệt kê hành vi bị nghiêm cấm: “Công khai tên, địa chỉ, hình ảnh của người nhiễm HIV hoặc tiết lộ cho người khác biết việc một người nhiễm HIV khi chưa được sự đồng ý của người đó”, ngoại trừ các trường hợp luật định như đã nêu ở Điều 30 Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020. Như vậy, việc thông báo kết quả HIV dương tính chỉ được phép theo đúng kênh pháp luật quy định; mọi hình thức công khai danh tính người nhiễm HIV ra công luận khi chưa có sự đồng ý của họ đều bị coi là vi phạm pháp luật.

Việc bị tiết lộ HIV có thể khiến một người bị tổn thất nghiêm trọng về tinh thần, bị xa lánh, mất cơ hội việc làm, nhà ở, thậm chí nguy hiểm tính mạng do kỳ thị. Bảo vệ bí mật

thông tin cũng chính là bảo vệ quyền được tôn trọng và không phân biệt đối xử – những quyền đã được hiến định và luật định. Ngoài ra, bảo mật thông tin còn phục vụ lợi ích lâu dài của cộng đồng: Tạo niềm tin để người có nguy cơ mạnh dạn đi xét nghiệm và người nhiễm HIV yên tâm điều trị, qua đó kiểm soát dịch bệnh hiệu quả hơn. Một xã hội mà người nhiễm HIV sợ bị lộ danh tính sẽ dẫn tới “bóng tối” trong quản lý dịch bệnh – nhiều người giấu bệnh, lây truyền âm thầm, khó kiểm soát.

Tuy nhiên, về phía cộng đồng, người nhiễm HIV có thể đe dọa đến sức khỏe, an toàn của người khác – ví dụ như cố ý truyền bệnh, hoặc đơn giản là mang virus lây qua con đường mà người khác khó phòng tránh như máu hoặc quan hệ tình dục không an toàn. Cộng đồng có quyền được bảo vệ khỏi nguy cơ lây nhiễm bệnh nguy hiểm. Nhà nước với chức năng bảo vệ trật tự, sức khỏe công cộng có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết để phòng ngừa lây lan HIV. Ở đây, hai lợi ích công cộng chính là: (1) Bảo vệ sức khỏe cộng đồng trước nguy cơ lây nhiễm; (2) Bảo đảm an ninh, trật tự (bắt giữ tội phạm, ngăn ngừa tội phạm tiếp diễn). Đôi khi, hai lợi ích này có thể mâu thuẫn phần nào với yêu cầu bảo mật. Khi đó, cơ quan chức năng bị đặt trước bài toán lợi ích kép: Vừa phải ngăn chặn nguy cơ do cá nhân gây ra, vừa phải tôn trọng quyền của cá nhân ấy và quyền của những người khác trong nhóm dễ bị tổn thương.

Nguyên tắc pháp lý tại các văn bản luật đều hướng đến giải quyết cân bằng bằng cách đề ra tiêu chí cho phép hạn chế quyền riêng tư, bao gồm: (i) Có căn cứ luật định: Biện pháp hạn chế do pháp luật cho phép, không thể viện dẫn mục đích chung chung để tự ý vi phạm luật; (ii) Tính cần thiết: Biện pháp đưa ra nhằm đạt mục tiêu bảo vệ lợi ích công cộng thiết yếu, trong hoàn cảnh không thể khác được; (iii) Tính tương xứng (tỷ lệ): Biện pháp phải giới hạn ở mức độ cần thiết tối thiểu, cân đo giữa cái lợi cho cộng đồng và cái hại cho quyền cá nhân, đảm bảo cái lợi thu được lớn hơn sự xâm hại gây ra.

Bộ luật Dân sự năm 2015 hiện hành cũng bổ sung hàng rào pháp lý nhằm bảo vệ chung cho quyền riêng tư, bí mật cá nhân. Điều 38 Bộ luật này quy định thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được pháp luật bảo

vệ; việc thu thập, công bố thông tin này phải có sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp luật có quy định khác. Nếu việc tiết lộ thông tin riêng tư trái phép gây thiệt hại, người bị xâm phạm có quyền yêu cầu bồi thường. Như vậy, từ Hiến pháp, luật chuyên ngành đến luật dân sự chung, hệ thống pháp luật Việt Nam nhất quán thừa nhận quyền của cá nhân được bảo mật thông tin về tình trạng HIV, xem đây là một khía cạnh của quyền con người về đời sống riêng tư.

Theo khoản 4 Điều 19 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP (trước đây là Nghị định 176/2013/NĐ-CP) ngày 28/9/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, hành vi tiết lộ tình trạng HIV của người khác trái phép quy định phạt tiền từ 15 triệu đến 20 triệu đồng đối với hành vi công khai tên, địa chỉ, hình ảnh người nhiễm HIV khi chưa được họ đồng ý, trừ trường hợp phục vụ giám sát dịch tễ hoặc thông báo kết quả theo quy định pháp luật. Mức phạt này áp dụng cho cá nhân vi phạm; tổ chức vi phạm bị phạt gấp đôi (tức 30-40 triệu đồng).

Những văn bản trên cho thấy, theo pháp luật Việt Nam, nguyên tắc chung là thông tin về tình trạng nhiễm HIV của cá nhân phải được giữ bí mật. Ngoại lệ chỉ giới hạn trong những trường hợp luật định đặc biệt, nhằm phục vụ trực tiếp việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người bệnh và người thân cận, hoặc phục vụ yêu cầu tố tụng, giám sát dịch tễ trong khuôn khổ nội bộ cơ quan có thẩm quyền. Mọi hành vi công khai ra cộng đồng rộng rãi khi không thuộc ngoại lệ này đều bị coi là vi phạm pháp luật. Đây chính là cơ sở pháp lý để xem xét tính hợp pháp của hành vi công khai thông tin người nhiễm HIV.

3. Thực trạng quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS

Trong những năm qua, thực trạng quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV ở nước ta đã đạt được những điểm tích cực như: Các chiến dịch truyền thông về HIV/AIDS đã góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV; một số bệnh viện đã áp dụng hệ thống lưu trữ hồ sơ điện tử, mã hóa thông tin để bảo vệ quyền riêng tư của người nhiễm HIV; áp dụng nhiều biện pháp bảo mật như lưu trữ hồ sơ, kết quả xét nghiệm an toàn, chỉ chia sẻ

thông tin khi được bệnh nhân đồng ý, bố trí nơi tư vấn riêng tư và yêu cầu nhân viên y tế cam kết không tiết lộ thông tin⁵. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quyền này vẫn chưa được thực hiện đầy đủ, gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và việc tiếp cận dịch vụ y tế của người nhiễm HIV. Cụ thể:

Vẫn xảy ra những trường hợp bị lộ lọt thông tin từ chính các cơ sở y tế⁶. Bên cạnh đó, việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ bệnh án chưa đồng bộ, chưa có quy trình rõ ràng trong bảo mật dữ liệu, khiến việc bảo vệ thông tin cá nhân chưa thực sự hiệu quả. Hiện nay, chưa có cơ chế giám sát độc lập và xử lý kịp thời các vi phạm liên quan đến quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV nên việc tiết lộ thông tin của người nhiễm HIV chưa được răn đe, dẫn tới sự kỳ thị, phân biệt đối xử trong cộng đồng, ảnh hưởng đến tâm lý và chất lượng cuộc sống của người nhiễm HIV.

Điều 8 Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020 cũng quy định rõ trách nhiệm của người nhiễm HIV trong việc thông báo nguy cơ lây nhiễm cho người thân hoặc người có liên quan trực tiếp. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nhiễm HIV cố tình che giấu tình trạng bệnh, không thông báo cho bạn tình hoặc vợ/chồng, dẫn đến hậu quả lây truyền nghiêm trọng. Hiện nay, mức xử phạt thấp chỉ từ 01-3 triệu đồng, cộng với tâm lý giấu bệnh nên việc thực hiện nghĩa vụ kịp thời thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính của mình cho vợ, chồng, người dự định kết hôn, người chung sống như vợ chồng với mình thường không được thực hiện đúng.

Việc mở rộng đối tượng để tiếp cận được thông tin người bị nhiễm HIV/AIDS là vấn đề cực kỳ quan trọng mà luật hiện hành chưa quy định rõ ràng, cụ thể. Trong thời gian qua, nhiều người thân hoặc người trực tiếp chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS không biết rõ tình trạng bệnh của họ, hoặc không rõ liệu bản thân họ có bị nhiễm hay không. Nếu

người nhiễm HIV/AIDS không nhận thức được thì có thể làm lây lan sang cho người khác, điều này hết sức nguy hiểm. Do đó, việc tiếp cận thông tin đối với người nhiễm HIV/AIDS là cần thiết, có nhiều ý nghĩa đối với công tác quản lý. Tuy nhiên, vấn đề này lại khá nhạy cảm vì liên quan tới quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV, đặc biệt là người nhiễm HIV ở lứa tuổi trẻ em. Mặt khác, thông tin về kết quả xét nghiệm HIV dương tính là bí mật thông tin của công dân cần được bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Hiến pháp năm 2013. Việc tiếp cận thông tin đã được quy định trong Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 cũng như một số quy định pháp luật liên quan khác. Trên thực tế, quy định này có thể hạn chế tính khả thi vì người dân có thể vì sợ không được bảo mật thông tin cá nhân liên quan đến HIV mà tránh không sử dụng dịch vụ tư vấn, xét nghiệm, chăm sóc và điều trị HIV.

Một trong những nguyên nhân khách quan quan trọng dẫn đến thực trạng quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV chưa được bảo đảm đầy đủ là do hệ thống pháp luật hiện hành còn tồn tại nhiều bất cập, chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ. Trước hết, các quy định của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020 về bảo mật thông tin còn mang tính khái quát, chưa xác định rõ ràng tiêu chí, điều kiện và quy trình áp dụng trong các trường hợp ngoại lệ được phép tiết lộ thông tin. Điều này khiến cho việc xác định khi nào, ai, và trong phạm vi nào được quyền tiếp cận hoặc tiết lộ thông tin về tình trạng HIV của người bệnh trở nên thiếu minh bạch, dễ dẫn tới lạm quyền hoặc vi phạm quyền riêng tư của người nhiễm HIV.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về cơ chế kiểm soát, giám sát độc lập đối với việc tiếp cận, xử lý và bảo mật thông tin của người nhiễm HIV tại các cơ sở y tế cũng như các cơ quan, tổ chức liên quan. Việc thiếu một cơ chế giám sát minh bạch, hiệu quả dẫn đến tình trạng các vi phạm về tiết lộ thông tin cá nhân thường không bị phát hiện, xử lý kịp thời, làm giảm hiệu lực răn đe của pháp luật và ảnh hưởng đến niềm tin của người bệnh vào hệ thống bảo vệ quyền riêng tư.

⁵ Parsa M, Tladd, p. 01-14.

⁶ Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam (2025), *Nguy cơ lộ thông tin cá nhân khi khám bệnh tại cơ sở y tế, phòng khám tư nhân*, <https://lsvn.vn/nguy-co-lo-thong-tin-ca-nhan-khi-kham-benh-tai-co-so-y-te-phong-kham-tu-nhan-a157642.html>.

Chế tài xử lý các hành vi vi phạm quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV còn chưa đủ nghiêm khắc, mức xử phạt hành chính còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa, răn đe đối với các hành vi tiết lộ trái phép thông tin về tình trạng HIV của người khác. Pháp luật cũng chưa quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của các chủ thể được phép tiếp cận thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình xử lý thông tin sau khi nguy cơ lây nhiễm qua đi, dẫn đến nguy cơ thông tin cá nhân của người nhiễm HIV bị lan truyền ngoài phạm vi cần thiết.

Pháp luật vẫn chưa có quy định bắt buộc về đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ y tế và các chủ thể liên quan về kỹ năng bảo mật thông tin, quyền riêng tư của người nhiễm HIV, cũng như chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ sở y tế trong việc tổ chức các hoạt động này. Điều này làm hạn chế năng lực thực thi pháp luật về bảo mật thông tin trong thực tiễn.

Ngoài ra, còn tồn tại những nguyên nhân chủ quan như một bộ phận cán bộ y tế và cộng đồng chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng cũng như phạm vi của quyền bảo mật thông tin đối với người nhiễm HIV. Điều này dẫn đến tình trạng một số cán bộ y tế chưa thực hiện nghiêm túc quy định về bảo mật, thậm chí còn có hành vi tiết lộ thông tin cá nhân của người bệnh cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý của họ, gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người nhiễm HIV. Đồng thời, hiện chưa có chương trình đào tạo chuyên sâu, bài bản về quyền riêng tư và bảo mật thông tin dành riêng cho cán bộ y tế. Việc trang bị kiến thức, kỹ năng về bảo mật thông tin cá nhân cho đội ngũ này chủ yếu mang tính hình thức, lồng ghép trong các khóa đào tạo chung về chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về bảo vệ quyền riêng tư trong lĩnh vực y tế nói chung và đối với người nhiễm HIV nói riêng.

Cơ chế giám sát và xử lý vi phạm liên quan đến quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV còn thiếu hiệu quả. Hiện chưa có hệ thống giám sát độc lập, minh bạch để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm. Khi xảy ra vi phạm, việc xử lý thường mang tính nội bộ, chưa đủ sức răn đe, dẫn đến tình trạng tiết lộ thông tin cá nhân của

người nhiễm HIV vẫn tiếp diễn, làm gia tăng nguy cơ kỳ thị, phân biệt đối xử và ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, chất lượng cuộc sống cũng như khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người bệnh.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS

4.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS

Hiện nay, các quy định về quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV trong Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020 vẫn còn mang tính khái quát, chưa xác định rõ ràng các tiêu chí, điều kiện và quy trình áp dụng trong các trường hợp ngoại lệ được phép tiết lộ thông tin, cũng như chưa có cơ chế kiểm soát chặt chẽ. Điều này dẫn đến nguy cơ lạm quyền, vi phạm quyền riêng tư của người bệnh, gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người nhiễm HIV hoặc gây hoang mang, kỳ thị trong cộng đồng.

Để khắc phục hạn chế này, cần sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2020 theo hướng:

Một là, bổ sung khoản mới vào Điều 30 quy định rõ các trường hợp ngoại lệ mang tính khẩn cấp cho phép tiết lộ thông tin HIV, xác định cụ thể thế nào là “nguy cơ nghiêm trọng”, ai là “cơ quan có thẩm quyền” phê duyệt và phạm vi những chủ thể được nhận thông tin;

Hai là, bổ sung vào Điều 30 và Điều 4 quy định cụ thể về thẩm quyền phê duyệt, quy trình, thủ tục công khai thông tin HIV trong tình huống khẩn cấp, đảm bảo kiểm soát chéo và trách nhiệm giải trình;

Ba là, bổ sung nguyên tắc giới hạn thông tin trong Điều 30 và Điều 8, chỉ công bố thông tin ở mức cần thiết phục vụ mục đích bảo vệ cộng đồng, không công khai hình ảnh, video mô tả người bệnh trên các phương tiện truyền thông, trừ trường hợp cần thiết cho việc nhận dạng;

Bốn là, bổ sung vào Điều 30 quy định trách nhiệm xử lý thông tin sau khi công bố, yêu cầu các cơ quan truyền thông phải gỡ bỏ hoặc ẩn thông tin về tình trạng HIV của người đó khỏi các kênh công khai khi nguy cơ đã qua đi;

Năm là, sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 và Điều 38 quy định rõ chế tài nghiêm khắc đối với hành vi lợi dụng quy định ngoại lệ để tiết lộ thông tin HIV một cách tùy tiện, vượt thẩm quyền;

Sáu là, bổ sung vào Điều 4 quy định trách nhiệm của các cơ sở y tế trong việc tổ chức đào tạo, tập huấn định kỳ cho cán bộ y tế về quyền riêng tư, bảo mật thông tin và kỹ năng xử lý thông tin người nhiễm HIV.

Những sửa đổi, bổ sung này sẽ góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, bảo vệ hiệu quả quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cộng đồng, hạn chế kỳ thị, phân biệt đối xử và nâng cao hiệu quả phòng, chống HIV/AIDS ở Việt Nam.

4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV/AIDS

Một là, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức: Tổ chức các chiến dịch truyền thông về quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV để nâng cao nhận thức của cộng đồng và cán bộ y tế.

Hai là, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ y tế: Xây dựng chương trình đào tạo về quyền riêng tư và bảo mật thông tin cho cán bộ y tế, đặc biệt là những người trực tiếp tiếp xúc với người nhiễm HIV.

Ba là, thiết lập cơ chế giám sát độc lập: Xây dựng cơ chế giám sát độc lập để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm liên quan đến quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV.

Bốn là, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin: Khuyến khích các cơ sở y tế áp dụng công nghệ thông tin trong việc lưu trữ và xử lý thông tin về người nhiễm HIV để đảm bảo tính bảo mật.

Năm là, thiết lập những quy trình bảo mật thông tin nghiêm ngặt và chặt chẽ tại các bệnh viện. Quy trình này bao gồm việc mã hóa thông tin bệnh nhân, hạn chế truy cập

vào các dữ liệu sức khỏe của bệnh nhân cho những người không có nhiệm vụ và yêu cầu, đồng thời thực hiện việc giám sát và kiểm tra thường xuyên để phát hiện và ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền riêng tư. Việc bảo mật thông tin không chỉ là một nghĩa vụ đạo đức mà còn là yêu cầu pháp lý, giúp bảo vệ bệnh nhân khỏi các rủi ro bị kỳ thị hoặc phân biệt đối xử khi thông tin sức khỏe của họ bị lộ ra ngoài.

Kết luận

Xung đột giữa quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV và lợi ích cộng đồng là không thể tránh khỏi trong một số tình huống. Việc thực hiện quyền bảo mật thông tin của người nhiễm HIV là cần thiết để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ và thúc đẩy công tác phòng, chống HIV/AIDS hiệu quả. Tuy nhiên, việc giải quyết cần đảm bảo cân bằng, không làm tổn hại đến nhân phẩm của người bệnh, đồng thời vẫn đảm bảo an toàn cho xã hội. Để đạt được mục tiêu này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc nâng cao nhận thức, đào tạo chuyên sâu và thiết lập cơ chế giám sát hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013;
2. Bộ luật Dân sự năm 2015;
3. Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2020;
4. Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007;
5. Bộ Y tế, *Hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và xét nghiệm HIV tự nguyện*, Nxb. Y học, Hà Nội, 2023;
6. UNAIDS, *HIV and Human Rights – Policy Brief*, <https://www.unaids.org/en/resources/documents/2022/HIV-and-Human-Rights>;
7. WHO (2011), *Guidelines on HIV Disclosure for Health Professionals*, <https://www.who.int/publications/item/hiv-disclosure-guidelines>;
8. Parsa M., “Y học và quyền riêng tư của bệnh nhân”, *Iran J Med Ethics Hist Med*, No. 2/2009;
9. Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam (2025), *Nguy cơ lộ thông tin cá nhân khi khám bệnh tại cơ sở y tế, phòng khám tư nhân*, <https://lsvn.vn/nguy-co-lo-thong-tin-ca-nhan-khi-kham-benh-tai-co-so-y-te-phong-kham-tu-nhan-a157642.html>.